

Bản án số: 136/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2025
V/v tranh chấp "Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hoàng Nam**

2. Ông **Lê Văn Chi**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Phụng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- An Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Ông **Bùi Nhất Nguyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 308/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị K, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K.

Nay là: Ấp H, xã H, tỉnh A

2. *Bị đơn*: Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K.

Nay là: Ấp H, xã H, tỉnh A

(Chị K; anh Đ có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:***

Do quen biết chị và anh Đ tiến tới hôn nhân năm 1999. Có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã liên tục nguyên nhân là do anh Đ sinh tật rượu chè, không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm mọi việc giao hết cho chị. Thời gian qua vì thương chồng con và nghe lời cha mẹ khuyên nhủ và cho cơ hội để anh Đ sửa đổi nhưng anh Đ không sửa đổi được, ngược lại lâm vào con đường rượu chè nhiều hơn trước, nhậu thâu đêm suốt sáng từ ngày này sang ngày nọ không có trách nhiệm với gia đình. Anh, chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm không còn và không còn khả năng chịu đựng tính vô trách nhiệm của anh Đ nên chị đề nghị ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Lưu Văn H, sinh ngày 25/6/2001 và Lưu Thị L, sinh ngày 15/5/2023. Hiện các con chung đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04 tháng 8 năm 2025 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lưu Văn Đ có ý kiến trình bày:**

Anh thống nhất với lời trình bày của chị K về quá trình tiến tới hôn nhân; về con chung nhưng theo anh nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ việc anh nghi ngờ chị K ngoại tình nên anh buồn có uống rượu. Anh, chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là Lưu Văn H, sinh ngày 25/6/2001 và Lưu Thị L, sinh ngày 15/5/2023. Hiện các con chung đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn; về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét. Tài sản chung, nợ chung không yêu

cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị K, anh Đ: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Lưu Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; pháp luật về hộ tịch nên hôn nhân giữa chị Trần Thị K và anh Lưu Văn Đ không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010 và ly thân từ năm 2021 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trần Thị K yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn Đ và anh Lưu Văn Đ cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị K và anh Lưu Văn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là Lưu Văn H, sinh ngày 25/6/2001 và Lưu Thị L, sinh ngày 15/5/2003. Hiện đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0013189 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị K và bị đơn anh Lưu Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị K và anh Lưu Văn Đ thống nhất trình bày do quen biết anh, chị tiến tới hôn nhân năm 1999. Có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn.

Theo chị K sau khi cưới thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã liên tục nguyên nhân là do anh Đ sinh tật rượu chè, không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm mọi việc giao hết cho chị. Thời gian qua vì thương chồng con và nghe lời cha mẹ khuyên nhủ và cho cơ hội để anh Đ sửa đổi nhưng anh Đ không sửa đổi được, ngược lại lâm vào con đường rượu chè nhiều hơn trước, nhậu thâu đêm suốt sáng từ ngày này sang ngày nọ không có trách nhiệm với gia đình. Anh, chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn và không còn khả năng chịu đựng tính vô trách nhiệm của anh Đ nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lưu Văn Đ.

Phía anh Đ thì cho mâu thuẫn từ việc anh nghi ngờ chị K ngoại tình nên anh buồn có uống rượu. Anh và chị K đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị K và anh Đ trình bày mâu thuẫn dẫn đến anh chị ly hôn không thống nhất nhưng nay chị K yêu cầu ly hôn thì anh Đ cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định chị K và anh Đ không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị K và anh Lưu Văn Đ xác định có 02 người con chung là Lưu Văn H, sinh ngày 25/6/2001 và Lưu Thị L, sinh ngày 15/5/2023; hiện các con chung đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K và anh Đ xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị K và anh Lưu Văn Đ là vợ chồng.
2. Về con chung: Chị Trần Thị K và anh Lưu Văn Đ xác định có 02 người con chung là Lưu Văn H, sinh ngày 25/6/2001 và Lưu Thị L, sinh ngày

15/5/2023; hiện các con chung đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị K và anh Đ xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013189 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang) nên được cân trừ xem như chị K đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Trần Thị K, anh Lưu Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Ngọc Giàu

